

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 119/2018/HS-ST.

Ngày: 16-5-2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đông

*Các Hội thẩm Nhân dân:*

1. Ông Hồ Tùng Mận
2. Ông Mai Xuân Đùng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

***- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Long - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: H; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1987; Tại: tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: đường T, phường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông L và bà K, có vợ T, sinh năm 1988 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2010. Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/12/2017 đến ngày 18/01/2018 chuyển tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Đ; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1998; Tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: đường T, phường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Q và bà P, bị cáo chưa có vợ con. Tiền án; tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 26/5/2015 bị Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm xử phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/12/2017 đến ngày 18/01/2018 chuyển tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị C - sinh năm: 1999 - (có mặt).

Trú tại: đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông D - sinh năm 1964 - (có mặt).

Trú tại: phường M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông A - sinh năm 1961 - (có mặt).

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng:

1. Chị B - sinh năm 1999 - (vắng mặt).

Trú tại: phường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chị E - sinh năm 1999 - (vắng mặt).

Trú tại: phường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh F - sinh năm 1999 - (có mặt).

Trú tại: phường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Anh G - sinh năm 1982 - (vắng mặt).

Trú tại: đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Anh M - sinh năm 1982 - (vắng mặt).

Trú tại: phường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

H là người quản lý tiếp viên phục vụ hát karaoke (tức nuôi đào hát). Thời gian gần đây, chị C thường xuyên rủ nhân viên của H đi làm nơi khác, nên H bức tức và muốn tìm chị C để đánh cảnh cáo.

Khoảng 18<sup>h</sup>00' ngày 08/12/2017, H một mình đi bộ sang quán karaoke X thì gặp 02 chị em sinh đôi là chị E và B, biết được chị E và chị B chơi thân với chị C nên H hỏi và tát chị B rồi yêu cầu chị E và chị B dẫn đi gặp chị C. Sau đó, H gọi điện thoại cho Đ (là cháu ruột của H) và đối tượng D (chưa rõ nhân thân, lai lịch) nói cùng H đón xe taxi tìm bắt chị C đưa về phòng trọ hỏi chuyện thì Đ và D đồng ý. Sau đó H, Đ và D cùng đi taxi đến dãy trọ của chị E và B để đưa hai chị em dẫn đi tìm chị C. Khi đi đến quán cơm đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, H thấy chị C đang ngồi trước quán nên nói tài xế taxi dừng xe để H và D xuống xe. Thấy đúng là chị C, H nói “Đúng nó đây rồi” thì D dùng tay nắm lấy đuôi tóc của chị C kéo về phía xe taxi, H mở cửa sau xe taxi đẩy chị C vào ngồi cùng chị E, còn Đ và D ngồi kẹp hai bên, H lên ngồi ghế trước rồi tiếp tục chỉ dẫn tài xế xe taxi đi về phòng trọ của H tại địa chỉ đường T, phường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, H lôi chị C vào phòng trọ của H, chị E cũng vào cùng, H để chị C ngồi ở trên chiếc chiếu trải giữa nhà rồi dùng tay chân đánh

trúng mặt, đầu, trán, miệng của chị C khoảng 10 cái và hỏi chị C lý do tại sao dụ dỗ nhân viên của H đi làm nơi khác, trong lúc chị C bị đánh thì chị B có đi vào phòng chứng kiến sự việc trên. Thấy chị C chửi và có thái độ thách thức nên D và Đ cũng xông vào sử dụng tay đánh trúng mặt chị C (mỗi người đánh trúng 02 cái), sau đó H lấy còng số 8 ở trong phòng trọ còng một tay của chị C vào cây treo quần áo, Đ có việc nên đi ra ngoài, chị E và chị B cũng đi ra ngoài theo. Còng chị C trong khoảng 15 phút, thấy chị C bị thương tích chảy máu ở miệng nên H đã đón xe taxi cho chị C về lại quán cơm đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, sau đó chị C đã đến trình báo tại Cơ quan Công an. Khi thấy có lực lượng Công an đến làm việc, H đã cùng Đ bỏ về nhà ở Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk còn D bỏ trốn. Đến sáng ngày 09/12/2017, nhận thấy hành vi sai trái của mình nên H và Đ đã đi cùng chị N (là chị gái của H và là mẹ ruột của Đ) đến Cơ quan Công an đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ được 01 chiếc còng hình số 8, bằng kim loại màu trắng, không có nhãn hiệu và 02 chìa khóa còng bằng kim loại màu trắng, không có nhãn hiệu; 01 giá treo đồ bằng kim loại, kích thước (145x115) cm để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Kết luận pháp y thương tích số 43/PY-TgT, ngày 09/12/2017 và bản Kết luận pháp y bổ sung số 395/PY-TgT, ngày 20/3/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: chị C bị đa thương, gãy xương hàm dưới, tỷ lệ thương tích 14%. Vật tác động: Cứng, tày.

Chị C đã kê khai và yêu cầu bồi thường các khoản:

- Chi phí điều trị có hóa đơn: 2.420.557 đồng.
- Chi phí chữa trị không có hóa đơn: 700.000 đồng
- Tiền đi lại chữa trị: 500.000 đồng
- Tiền mất thu nhập: 170.000 đồng/ngày x 30 ngày = 5.100.000 đồng.
- Tiền công chăm sóc: 200.000 đồng x 13 ngày = 2.600.000 đồng.
- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần và sức khỏe: 15.000.000 đồng.

Tổng cộng: 26.320.000 đồng.

Các bị cáo H và Đ đã tác động gia đình bồi thường cho chị C số tiền 10.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng. Chị C đã nhận đủ số tiền trên và yêu cầu bồi thường tiếp số tiền 16.320.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 98/CT-VKSTPBMĐT ngày 27/3/2018, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo H và Đ về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123 Bộ Luật Hình sự năm 1999 và tội

“Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ Luật Hình sự năm 2015 .

Tại phiên tòa:

Bị cáo H và Đ hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và Bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thành phố Buôn Ma Thuột đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo H và Đ phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo H từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Đ từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo H và bị cáo Đ từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 về tổng hợp hình phạt của hai tội, đề nghị xử phạt bị cáo H và bị cáo Đ từ 03 năm 03 tháng đến 04 năm tù giam.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 42 Bộ Luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ Luật tổ tụng hình sự, Điều 584, Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự:

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc các bị cáo H và Đ phải liên đới bồi thường tiền chi phí điều trị, tổn thất tinh thần, tiền thuốc men, tiền mất thu nhập và chi phí người chăm sóc cho chị C với tổng số tiền 23.430.000 đồng. Chấp nhận việc gia đình các bị cáo H và Đ đã tự nguyện bồi thường cho chị C số tiền 23.430.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc còng hình số 8, bằng kim loại màu trắng, không có nhãn hiệu và 02 chìa khóa còng bằng kim loại màu trắng, không có nhãn hiệu; 01 giá treo đồ bằng kim loại, kích thước (145x115) cm.

Bị cáo H và Đ không bào chữa và tham gia tranh luận gì, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù.

Bị hại đồng ý với mức bồi thường tiền chi phí điều trị, tổn thất tinh thần, tiền thuốc men, tiền mất thu nhập, chi phí người chăm sóc với tổng số tiền 23.430.000 đồng, đã nhận đủ số tiền trên. Đề nghị xét xử các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tham gia tranh luận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Bị cáo H và Đ là người có đầy đủ nhận thức và năng lực trách nhiệm hình sự nhưng do ý thức coi thường pháp luật nên vào khoảng 18<sup>h</sup> 00' ngày 08/12/2017 tại đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo H và bị cáo Đ đã có hành vi bắt chị C trái pháp luật đưa về phòng trọ của các bị cáo tại địa chỉ đường T, phường D, thành phố B. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm”.

Xét hành vi của bị cáo H và bị cáo Đ dùng tay đánh vào vùng mặt, miệng của chị C gây thương tích với tỷ lệ thương tích 14% là vi phạm pháp luật, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên do hành vi của 02 bị cáo thực hiện trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, do vậy căn cứ vào các quy định của khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì cần áp dụng các quy định tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1999 và các quy định về hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới của Bộ luật Hình sự 2015, như vậy cần phải áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo H và bị cáo Đ.

Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

i) Có tính chất côn đồ;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”.

Như vậy, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo H và Đ về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123 Bộ Luật Hình sự năm 1999 và tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ Luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tự do thân thể, sức khỏe của chị C mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Mặc dù các bị cáo nhận thức được rằng quyền tự do, sức khỏe của con người là bất khả xâm phạm, được bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm quyền tự do, sức khỏe của con người trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị thích đáng. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, đối với các bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt một cách nghiêm khắc, buộc các bị cáo phải cách ly với đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới phát huy được tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét thấy trong vụ án có 02 bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó vai trò của bị cáo H là người gọi điện thoại khởi xướng, rủ rê bị cáo Đ đi bắt chị C và đánh chị C nên bị cáo H là người chủ mưu và thực hành tích cực. Đối với bị cáo Đ là người được bị cáo H rủ đi bắt chị C, bị cáo đã cùng đi với bị cáo H để bắt chị C về phòng trọ, tham gia đánh chị C gây thương tích nên phải chịu trách nhiệm là đồng phạm giúp sức.

Đối với bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Đ: Bị cáo Đ có nhân thân xấu, ngày 26/5/2015 Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo không coi đó là bài học để sống có ích cho gia đình, cho xã hội mà nhiệt tình tham gia giúp sức khi được bị cáo H rủ rê, do đó cần có hình phạt tương đương với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu

thứ, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Đối với yêu cầu bồi thường của bị hại chị C theo kê khai là 26.320.000 đồng, tại phiên tòa chị C đồng ý với số tiền bồi thường là 23.430.000 đồng theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Bị cáo H và bị cáo Đ đã tác động gia đình bồi thường cho chị C hết số tiền trên, cụ thể ngày 31/12/2017 gia đình chị C đã nhận số 10.000.000 đồng, ngày 21/4/2018 gia đình chị C đã nhận số tiền 13.430.000 đồng.

[6] Đối với hành vi của đối tượng tên D cùng bị cáo H và Đ thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật và dùng tay đánh chị C gây thương tích. Đến nay, Cơ quan điều tra vẫn chưa xác định được nhân thân lai lịch của đối tượng D nên chưa tiến hành làm việc, Cơ quan điều tra tách hành vi của đối tượng D ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

[7] Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo H và Đ phải liên đới bồi thường tiền chi phí điều trị, tổn thất tinh thần, tiền thuốc men, tiền mất thu nhập và chi phí người chăm sóc cho chị C với tổng số tiền 23.430.000 đồng. Chấp nhận việc gia đình bị cáo H và Đ đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho chị C số tiền 23.430.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc còng hình số 8, bằng kim loại màu trắng, không có nhãn hiệu và 02 chìa khóa còng bằng kim loại màu trắng, không có nhãn hiệu; 01 giá treo đồ bằng kim loại, kích thước (145x115) cm.

[8] Về án phí: Bị cáo H và Đ phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Áp dụng khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo H phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo H 09 (chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Tổng hợp hình phạt bị cáo H phải chấp hành là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 09/12/2017.

[2]. Áp dụng khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Tổng hợp hình phạt bị cáo Đ phải chấp hành là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 09/12/2017.

[3]. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 42 Bộ Luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự, Điều 584, Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự:

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo H và Đ phải liên đới bồi thường tiền chi phí điều trị, tổn thất tinh thần, tiền thuốc men, tiền mất thu nhập và chi phí người chăm sóc cho chị C với tổng số tiền 23.430.000 đồng. Chấp nhận việc gia đình bị cáo H và Đ đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho chị C số tiền 23.430.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc còng hình số 8, bằng kim loại màu trắng, không có nhãn hiệu và 02 chìa khóa còng bằng kim loại màu trắng, không có nhãn hiệu; 01 giá treo đồ bằng kim loại, kích thước (145x115) cm.

(Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/3/2018 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột).

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo H và Đ phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Đông**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**